

LỄ RIJANUGAR: MỘT LOẠI HÌNH TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CHĂM ĐỘC ĐÁO

VĂN MÓN

Trong hệ thống lễ hội Chăm nói chung, loại lễ Ri Ja Chăm (lễ múa Chăm) nói riêng như: Lễ Ri Ja Nư Gar (lễ tống ôn), lễ Ri Ja Haray (lễ múa ban ngày), lễ Ri Ja Pa Jau (lễ múa ban đêm) và lễ Ri Ja Prong (lễ Chà Và lớn)... thì lễ Ri Ja Nư Gar là lễ rất quan trọng. Bởi vì nghi lễ này liên quan mật thiết đến đời sống tín ngưỡng của người Chăm như ốm đau, bệnh hoạn... và năm mới có được mùa, sức khỏe con người có bình an hay không là do lễ này quyết định. Vì vậy ở người Chăm, Ri Ja Nư Gar thường là lễ mở đầu năm diễn ra theo đúng chu kỳ thời gian nhất định, thực hiện đúng phong tục, tập quán và họ coi đây là một phương tiện để biểu đạt tư tưởng, phản ánh nguyện vọng của cộng đồng trong đời sống tâm linh. Lễ Ri Ja Nư Gar biểu hiện một tôn giáo - tín ngưỡng. Ở đây ta sẽ nhận biết được sự tồn tại của một tôn giáo - tín ngưỡng nào, vị thần thánh nào? Người Chăm đến đây để cầu cúng gì... Và nó còn chứa đựng nhiều lĩnh vực khác nhau như lịch sử, văn học, nghệ thuật... Tuy nhiên trải qua nhiều thời gian cho đến hôm nay lễ hội không còn giữ nguyên bản chất ban đầu mà đã có nhiều lớp văn hóa - tín ngưỡng sau hội nhập. Vì vậy nhận biết và cắt nghĩa nó bằng cách nhìn khoa học để bóc tách lớp văn hóa, tín ngưỡng sau hội nhập và sự diễn biến tâm linh của dân tộc này là điều không mấy dễ dàng. Để làm những nhiệm vụ trên, đã gần một thế kỷ nay, nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước như Cabaton, Aymonier, Nguyễn Trắc Dĩ, Nguyễn Đình Tư, Vương Hang Trù... trong công trình khoa học của mình đều đề cập

đến lễ Ri Ja Nư Gar. Nhưng các nhóm tác giả đó chỉ tóm lược vài nét; thậm trí có tác giả chỉ nêu tên rồi viết những lời nhận xét. Với lý do trên không phải là nhân quan của người ngoại quốc mà là người con của dân tộc Chăm viết về dân tộc mình; chúng tôi mạnh dạn khảo tả lại lễ Ri Ja Nư Gar, có bình luận và nhận xét. Trên cơ sở bài viết nhỏ này, hy vọng một phần nào góp thêm tư liệu cho những nhà nghiên cứu nhìn một cách toàn diện về người Chăm.

LỄ RI JA NƯ GAR (Lễ tống ôn)

Người Chăm - một cư dân có nền nông nghiệp phát triển khá sớm, đến nay vẫn còn dấu vết của nhiều công trình thủy lợi nổi tiếng trên cánh đồng miền Trung như di tích Do Linh (Quảng Nam), đập Nha Trinh (Ninh Thuận)... Trong giai đoạn đầu của nền văn minh nông nghiệp, định cư trên dải đất miền Trung với khí hậu khắc nghiệt, thường xuyên lũ lụt và hạn hán, con người phụ thuộc vào tự nhiên. Với trình độ sản xuất còn thấp kém, trình độ tư duy đơn giản - người Chăm chưa lý giải được một cách khoa học các hiện tượng tự nhiên và xã hội do quan niệm rằng: Mỗi thành viên trong cộng đồng lâm vào cảnh hiểm nghèo, bị bệnh dịch hoành hành hoặc bị lũ lụt, hạn hán kéo dài là do các thần (vang) gây nên. Xung quanh họ đều bị các thần chế ngự như: PÔ YANCHOK (thần Núi), PÔ RI YAK (thần sóng biển), PÔ YANG SRI (thần lửa)... Vì vậy nên dân làng muốn khỏe mạnh, yên vui, muốn được mùa, không bị sâu bọ phá hoại, muốn mưa thuận gió hòa... thì

nhất định các làng (Palây) Chăm phải tổ chức lễ Ri Ja Nư Gar.

Ri Ja Nư Gar là lễ chung cho cả cộng đồng Chăm Hồi giáo. Đối với làng Chăm Bà La Môn thì lễ Ri Ja Nư Gar được tổ chức vào ngày thứ tư, thứ năm và Chăm Bà Ni Hồi giáo được tổ chức vào ngày thứ sáu, thứ bảy. Song, các ngày đó phải là ngày lẻ (1, 3, 5, 7...) trong thượng tuần tháng Giêng lịch Chăm.

Lễ Ri Ja Nư Gar được tổ chức trong thời gian 2 ngày: Người Chăm gọi là LIMU PÔ PI RA, BIAK PÔ AKLAK (tức là ngày đầu cúng cho thần mới, ngày hôm sau cúng cho thần cũ) hoặc người Chăm còn gọi là MŨ MŨ NUK BIAK PA PEL (tức là ngày đầu cúng gà, ngày hôm sau cúng dê). Đây là cách gọi theo nghi lễ Ri Ja Nư Gar.

Lễ Ri ja Nư Gar được tổ chức tại bãi đất trống ở đầu thôn. Nhà lễ (KAJANG) được kết cấu bằng hai vì kèo, mái lợp bằng tranh, diện tích nhà lễ khoảng 8m x 5m, hướng mặt về phía Đông. Người Chăm quan niệm phía Đông là hướng thần linh.

Ngày đầu của lễ Ri Ja Nư Gar: Đó là ngày cúng PÔ PI RAU, tức là Pô Âu Loah (Thánh AL LA); trong nhà lá được trang trí như sau: Gân cuối nhà về phía Tây nơi đặt lễ vật thì hai cột ở vì kèo thứ nhất được bao bọc bằng vải trắng. Ba cột này tượng trưng cho 3 vị thần: MÔ HA MÁCH (Mô Ha Mét), Pô Âu Loah, PI I BRA HIEM (Thần trung gian giữa Thánh AL LA và MÔ HA MÉT). Trên trần nhà có treo một tấm vải trắng hình chữ nhật (1,5 x 1,0m) gọi là lậm linh tượng trưng cho vòm trời. Bên dưới đối diện với lậm linh có đặt một tấm vải dài khoảng 4m, đế cao 0m1 được bao bọc bằng vải trắng hình chữ nhật (1,5 x 1,0m) gọi là Ron-Bàn, Ron chính là bọc đứng giảng của MÔ HA MÉT.

Kết cấu nhà lễ và cách trang trí không gian nhà lễ Ri Ja Nư Gar trong ngày đầu

cúng Pô Âu Loah tương tự như cách trang trí ở đám tang Bà Ni (Hồi giáo) và như thánh đường Hồi giáo thu nhỏ. Rõ ràng là lễ Ri Ja Nư Gar ngày đầu cúng cho thần mới chính là cúng cho Pô Âu Loah; vì vậy lễ vật là cúng chay như: xôi, chuối, trà, rượu, trứng... phụ trách tế lễ do Ôn DUÔN GRU và Ôn Ing.

Đặc biệt trong phần lễ ngày đầu của Ri Ja Nư Gar có Mâm Trầu (Bah La), đây là lễ vật trong bàn tổ chính để dâng thần lớn (PÔ PRONG) là Pô Âu Loah.

Sau khi chuẩn bị lễ vật xong thì Ôn Duôn (thầy Võ) và Ôn Ing (thầy Bống) ngồi vào bàn tổ tấu trình lễ vật lên các vị thần sau đây:

- PÔ PA TAU BIL THỜ (CHẾ BÔNG NGA - Thế kỷ XVI theo biên niên sử).
- PÔ TAM (Chàng trai trẻ).
- PÔ KLONG GI RAI (Thế kỷ XII-XIII).
- CHAY THỦ, CHAY LIÊM (Hai hoàng tử).
- PÔ INƯ NƯ GAR (Thần mẹ xứ sở).
- PÔ TANG, PÔ GI LẦU (Thần giữ rừng quế và cây trầu).
- PÔ PAR (Thần ghi chép).
- PÔ GI RAI PHO (Quan Phó Vương miền núi).
- PÔ RÔ ME (thế kỷ XVII).
- PÔ SANHNƯ (Tướng võ).
- PÔ KLONG SÁCH (Tướng võ).
- NAI BIA SHOI, NAI BIA KOL (Hoàng hậu Chế Bông Nga).
- PÔ TANG HOI (Ông thuyền trưởng).
- PÔ RI YAK (Thần sóng biển).
- CHAY SÍT, CHAT PRONG (Hai hoàng tử).
- PÔ TRÓTA (Tổ tiên).

Mỗi lần tâu lên một vị thần thì Ôn Duôn vỗ trống Ba Ra Nưng, hát sự tích, tiểu sử các vị thần và Ôn Ing múa phụ họa. Khi nhắc đến mỗi vị thần Ôn Ing đều có điệu múa,

sắc áo riêng và tiếng chống Di Nang cũng riêng biệt... Đi kèm theo với tiếng trống, điệu múa đó, đều có lời khấn của Thầy Võ và bà con dự lễ như sau:

Câu mong cho những xấu xa, xui xẻo như ốm đau, bệnh tật, mất mùa, hạn hán, của Chăm cũ ra đi. Cầu cho năm mới mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, cây cối tốt tươi, sức khỏe dồi dào cho dân làng. Tất cả đều cầu cho Nhân khang, Vật thịnh. Trong những bài hát lễ của Ôn Duôn có xuất hiện một huyền thoại về một vị thần Pô Sah I Nư như sau:

MUNG DI KAL KA JUNG ANUH RIYA
O KA JUNG KAU, MUNG KA JUNG PO SAH
I NỮ TRUN RAI MUNG NGOK, GAN DUNG
KOK, LAM LING MUNG NGOK, GAR TOA
MUNG ALA.

Tạm dịch: Từ thời khai thiên lập địa chưa có đất, nước, cây cối thì Poinư Nugar đưa Pô Sahinư xuống cõi trần mang theo 3 vị thần: Mô Ha Mách - Pô Âu Loah - Pi I Bra Hiem và ở trên là vòm trời, ở dưới là bụi giăng kinh của Mô Ha Mét.

Sau đó Ôn Duôn hát tiếp đoạn lễ như sau: Người ơi! Chúng mày có hai đàn ông, hai đàn bà: đàn ông biết cày, biết cuốc - đàn bà biết dệt biết thêu. Chúng mày là người thay thế cho dân làng, chúng sinh mang đi những điều xấu xa, xui xẻo của năm cũ để năm mới dân làng ở lại hưởng nhiều điều tốt lành.

Trong lúc thầy Võ đang hát lễ thì thầy Bóng ngồi ở bàn tổ, vò bột bằng gạo sống nắn hình người, hình thú (trâu, heo, gà...) rồi đặt trên mâm cao (SALAO TA KAY). Đây là thủ tục hành lễ chính của lễ Ri Ja Nư Gar. Và đến đây là giai đoạn kết thúc lễ bằng điệu múa roi để tống khứ đi những điều xấu xa. Những người dự lễ phấn khởi ăn uống cộng cảm với nhau và đến tối, họ ngồi quây quần lại bên nhau kể chuyện, ngâm thơ... suốt đêm đó.

Ngày thứ hai (Lễ kết thúc): Nếu lễ ngày đầu người Chăm cúng Pô Âu Loah thì ngày thứ hai cúng BIAK PÔ PI RAU (Thần Chăm). Buổi lễ được tổ chức tại nhà lễ Ka Jang nhưng do cúng thần Chăm nên phần trang trí không giống ngày đầu (cúng Pô Âu Loah).

Ngoài lễ vật như xôi, chuối, rượu, trứng... còn có một con dê luộc và 5 mâm cơm. Lễ này do Ôn Ka Thar (Thầy hát lễ) và Muk Pa Jau (bà Bóng) phụ trách. Tất cả lễ vật được đặt trên 9 mâm cao (Saloa Takay).

Trong lễ vật có một lễ vật chính là Thôn HALA (mâm có dê con), trên có đặt 26 tèm trâu cau. Đây là vật cúng Pô Prong (Thần lớn), tức là Pô Inư Nư Gar. Trong phần lễ vật còn có một đĩa gạo lễ, trên có đặt 3 vò hến, tượng trưng cho Pô Inư Nư Gar. Đĩa gạo này gọi là Brah krang hiện thân cho thần lúa thường có mặt trong các lễ cúng liên quan đến lễ nông nghiệp của người Chăm.

Lễ vật được chuẩn bị xong thì cuộc hành lễ ngày thứ 2 bắt đầu bằng lời tấu trình và khấn vái của ÔN KHA THAR và MUK PA JAU tại cái mâm đặt hình người, hình thú... đặt trước nhà lễ. Sau đó Ôn Ka Thar cầm đàn Ka Nhi hát tiểu sử và Muk Pa Jau ngồi bên bàn tổ chính dâng lễ vật lên các thần linh. Mỗi vị thần được mời về dự đều có những điệu múa để minh họa trong tiếng trống Ghi Nang, kèn Sa Ra Nai... Nội dung hành lễ ngày thứ 2 tương tự lễ ngày đầu.

Lễ ngày thứ hai không chỉ dừng lại ở việc dâng lễ vật, hát lễ ca ngợi sự tích, công lao của các vị thần mà còn diễn ra nhiều loại hình nghệ thuật khác như: hát đôi nam nữ, múa phồn thực...

Hát đối đáp được diễn ra trước nhà lễ với nội dung như sau:

- Hát về Pô Inư Gar Ha Mu Kút

Nam hát: SABOH KOK PAR MUNG PA GE,
LEK DI NE HMU AR

Nữ hát: SA BOH KOK PAR MUNG KLĂM,
LEK DI TĂM HMU NUH

Tạm dịch:

Nam: cò bay trong buổi sáng tinh mơ, cò bay, cò đậu trên đồng phù sa.

Nữ: Cò bay trong đêm tối mịt mù, cò bay, cò đậu trên đồng lúa xanh.

- *Hát về Pô Ra Tau Bil Thô*

Nam hát: THAN JONG DRAY KA PA
LUOUK, PAKOK CHOK NAO
ALOK KAYAU.

Nữ hát: NAO ALOK KAYAU KLAU DHAN,
PHUN NGĂAK KA PAN
JUNG NGAK MEK.

Tạm dịch:

Nam: Đi mài rũa, mài búa, lên rừng núi chặt cây.

Nữ: Đi chặt gỗ ba cành, lấy thân làm ván anh nằm hai cành còn lại dựng cột nhà cho em.

Dù ở đây chỉ đôi bài nhưng nó đã thể hiện lên vẻ nhẹ nhàng, tươi vui của câu đối. Nội dung của những bài hát đối này mang chủ đề: Ca ngợi những vị anh hùng có công với dân, với nước. Những bài hát đối về trăm hoa, trăm quả, trăm nghề... và các bài kể về công việc đồng áng, thời tiết bốn mùa... Tất cả đều gợi lên cảnh thanh bình trong cuộc sống thường ngày của người lao động nơi thôn dã. Đó là niềm ước mơ mà họ bộc lộ, giữ gìn với thần linh.

MÚA PHỒN THỰC

Múa phồn thực ở đây do MUK PA JAU hoặc một người đàn ông có uy tín trong làng đảm nhiệm. Trước khi vào mùa lễ múa, người đàn ông phụ trách múa mặc váy, cởi trần, đầu trùm khăn trắng, tay cầm cây gỗ me dài khoảng 20cm hình trụ, ở đầu nhuộm đen, có hình dáng tương tự dương vật. Ông cầm cây dương vật múa nhún nhảy lên xuống như

động tác giao hợp. Sau một hồi nhún nhảy trong tiếng reo hò và lời khấn vái của mọi người thì cây dương vật được người đàn ông cầm, múa chuyển cho Muk Pa Jau làm lễ tẩy uế tại cái "tra" để hình người, hình thú bằng bột gạo sống. Tiếp đó Ôn Ka Thar cầm đàn Ka Nhi, Muk Pa Jau cầm quạt, Ôn Duôn cầm trống Ba Ra Nung, Ôn Ing cầm roi mây... lần lượt múa xung quanh cái "tra" đến ngã ba đường ở đầu thôn. Tại nơi tiền đưa cái "tra", thầy phụ trách lễ có đọc lời khấn như sau:

SA LIH LƠI SA LIK HƯ DOA LI KAY,
DAO KA MA Y NAO Y NAO BAY NAO PLAY
KA PA LA PALAY NỮ GAR. HƯ NAO KA
NUK A TĂM DOK WOK JOI PA DIK A KOK
BOK TIAN JOI SUK SAK TAL KA.

SA LIH LOI HA O JOI DOM PLOH DOM
PLĂN JOI. MUYAK HƯ DỚM PLOK GROU
BĂNG/BĂNG HƯ. MŨ YAK HƯ DOM SIA
KAK BĂNG HƯ, HƯ DOM YAU PA NOCH
KAU TA KAY.

Tạm dịch: Hỡi chúng sinh có mặt trên cái "tra" này, chúng mày phải đi thay thế cho dân làng. Chúng sinh mang đi những xấu xa, xui sẻo như ốm đau, bệnh dịch, mất mùa... trong những năm qua đó, năm tới dân làng được mùa màng, khỏe mạnh.

Hỡi chúng mày - mày phải đi tâu trình với thần và phải đi nói cho trung thực, nếu chúng mày không nói như những lời dân làng căn dặn thì con ó và đại bàng sẽ hành quyết. Lễ trong ngày thứ hai cũng như cả tiến trình hành lễ được kết thúc bằng nghi lễ tiễn đưa cái "tra". Tất cả mọi người tham gia đều tin rằng cái "tra" sẽ mang đi những xui xẻo, bệnh tật... cho mình và tất cả họ đều mãn nguyện là đã thực hiện được nghi lễ Ri Ja Nu Gar để dâng lên thần linh. Với niềm tin đó, họ vững tâm hơn để bước vào đời sống hiện thực. Và họ tin rằng: thần và người sẽ cùng sát cánh bên nhau bước xuống cánh đồng

sâu để được thóc lúa đầy bờ - đi lên núi non chập chùng được gỗ quý trầm hương và ra biển khơi xa để tìm luồng cá chạy. Tất cả sẽ đem lại hạnh phúc cho mọi người, mọi nhà hằng mong ước.

Lễ Ri Jia Nu Gar được tổ chức hai ngày, mặc dù có một số lễ tiết khác nhau, nhưng chung quy đều chứa đựng một cái lễ chính là: Người Chăm mang lễ vật dâng cúng thần linh để tránh được tai ương, bệnh tật, cầu được mùa và sức khỏe cho dân làng. Qua lễ còn gắn liền sự tích những vị anh hùng có công với dân, với nước mà họ suy tôn thành thần linh.

Do ngày đầu cúng Pô Âu Loah nên trong tiến trình hành lễ người Chăm chưa bộc lộ rõ ràng tâm tư, nguyện vọng mà họ muốn gửi gắm với thần linh. Vì vậy, ngày đầu được coi là lễ chuẩn bị cho cả tiến trình của lễ hội. Nếu như ngày thứ nhất chủ đề chính chưa được bộc lộ thì ngày thứ hai cúng thần Chăm như Pô Nor Tri (Thần bảo vệ đền tháp), Pô Inư Nugar, Pô Klong Gi Rai, Pô Ro Me (được suy tôn là thần Thủy lợi), Pô Yang Chok, Pô Ri Yak, Pô Yang Sri... được bộc lộ rõ ràng. Đây chính là môi trường thuận lợi để các vị thần Chăm lộ diện; và đây cũng là môi trường hào hứng cho những người cầu cúng, bày tỏ ước mơ, nguyện vọng của mình như ở tục hát đối đáp nam nữ, múa phồn thực, những lời khấn vái thần linh.

Toàn bộ lễ Ri Ja Nu Gar liên quan đến đời sống tín ngưỡng dân gian như đã trình bày là tín ngưỡng nguyên thủy, tục thờ cúng tổ tiên, các vị anh hùng dân tộc và đậm nét nhất là tín ngưỡng liên quan đến nghề nông. Chẳng những thế mà còn chứa đựng những vấn đề như lịch sử, văn học, nghệ thuật..., nó liên kết, phụ thuộc vào nhau, tạo nên ở lễ Ri Ja Nu Gar một diện mạo của lễ nghi nông nghiệp Chăm độc đáo, đa dạng.

VÀI NHẬN XÉT

Lễ Ri Ja Nu Gar một loại hình tín ngưỡng dân gian Chăm có từ lâu đời. Từ thành phần, cơ cấu và tính chất của lễ chúng ta có thể lý giải tất cả mọi vấn đề như bản thân nó từng có mà chỉ thông qua những lễ tiết nổi bật để rút ra mấy nhận định sau:

Lễ tiết nổi bật là người Chăm dùng lễ vật dâng cúng đều là sản phẩm chăn nuôi và trồng trọt (như cơm, canh, xôi, chuối, trà, rượu, trứng và gà, dê...); lễ vật được dâng lên các vị anh hùng dân tộc, anh hùng văn hóa như Pô Inư Nư Gar, Pô Klong Gi Rai, Pô Ro Me... và những vị thần tự nhiên như: thần núi (Pô Yang Chok), thần biển (Pô Yang Thik), thần lúa (Pô Yang Sri).

Về mặt thời gian, lễ được tổ chức vào đầu tháng Giêng lịch Chăm (tháng tư Âm lịch). Đây là thời điểm mới gieo cấy xong, thời tiết thường lại khô khan, khắc nghiệt, lúa còn đang chờ cơn mưa đầu năm... vì vậy người Chăm tổ chức lễ hội để cầu mưa cho đúng chu kỳ thời tiết.

Tính chất tín ngưỡng nông nghiệp của lễ hội còn biểu hiện ở chỗ Ôn Ing hoặc Muk Pa Jau cầm tô nước đồng (Katinh) khấn vái, tổ chức nơi tụ thủy đã được tích năng lượng của thiên thần. Bà Bồng rẩy nước thiêng đổ xung quanh bàn tổ chính. Đây là nghi thức tương tự lễ mở cửa ở đền tháp Chăm. Đó là hình ảnh tượng trưng mưa rơi, vừa là động tác có tính ma thuật nhằm ban phát năng lượng của thiên nhiên xuống cõi trần cho cây cối tốt tươi, đâm chồi nảy lộc. Ở lễ tiết chờ thần lúa biểu hiện qua đĩa gạo lễ (Brang Krang). Trên đĩa đặt 3 vỏ hến là hiện thân của Pô Inư Nư Gar. Việc thờ thần lúa bên cạnh thần mẹ xứ sở đã có ý nghĩa sâu xa bắt nguồn từ thần thoại về bên cạnh Pô Inư Nư Gar đã dạy dân trồng lúa, ngô, dẹt vải... Trong lúc hành lễ Muk Pa Jau có thổi vào vỏ hến

3 lần, đây là tục gọi gạo trong lễ nghi nông nghiệp của người Chăm. Và đĩa gạo lễ đó là tiến trình của sự phát triển cây lúa. Gạo chính là kết quả của quá trình lao động, và là biểu hiện của nghi thức cầu mùa.

Trong buổi lễ có tục tiến đưa hình người, hình thú... Đây là những người, những vật thay thế cho dân làng mang đi những xấu xa, xui xẻo, bệnh tật của con người, gia súc và cây trồng... để năm mới dân làng được sức khỏe, được mùa màng... Đây phải chăng là bóng dáng của lễ hiến sinh (tế người) của người Chăm thời tiền sử ở xã hội nguyên thủy. Lễ tiến sinh tế thần là việc trọng đại, quyết định sự tồn vong của mỗi cộng đồng. Do quan niệm thần linh cũng có nhu cầu, tâm lý như con người ở dương thế; muốn được thần linh trợ giúp thì họ phải dâng cúng cho thần những gì mà họ coi trọng, quý giá nhất, rồi mới đến trâu, dê, gà v.v... mà người Chăm cũng như các cư dân khác vẫn thường làm lễ vật dâng lên các vị thần. Tục tế người không riêng gì ở người Chăm mà nó còn có mặt hầu hết ở các nước Đông Nam Á. Chẳng hạn tục đâm trâu ở cư dân Tây Nguyên; một số nhà nghiên cứu cho là bóng dáng của lễ hiến sinh⁽¹⁾. Tại Ấn Độ thời cổ đại, hàng năm vẫn có tục tế người cho thần SIVA ở sông Hằng và người ARIENS (Ấn Độ) hàng năm cũng giết ngựa trắng để tế thần Mặt Trời⁽²⁾. Người Chăm lấy con người làm vật dâng cúng với ý thức tỏ rõ sức mạnh của mình trước thần linh. Hành vi giết người của họ trong buổi lễ như là sự cảnh cáo các thần hãy coi chừng, nếu nhận lễ vật rồi mà không đáp ứng nguyện vọng của dân chúng thì sẽ bị phản ứng khôn lường. Cũng như trong hành động này, còn yếu tố ma thuật nhằm răn đe các thần ác không được quấy phá, phiền hà đến con người.

Buổi lễ còn lưu lại đậm nét tín ngưỡng phồn thực. Người Chăm là cư dân nông nghiệp nên thủ tục thờ sinh thực tất phải có từ lâu

đời. Ngay từ thời đại đồ đồng, khi nông nghiệp trồng lúa nước chưa phát triển, con người phụ thuộc vào tự nhiên, sức sản xuất còn hạn chế, dân số chưa đông, tình trạng khó dễ khó nuôi, hữu sinh vô dưỡng còn phổ biến. Lại thêm tình hình đất nước bị chiến tranh liên miên đã cướp đi không ít những mạng người. Vì vậy người xưa cầu mong cho sinh sôi nảy nở, con đàn cháu đống... là ước mơ vừa hình thức, vừa chính đáng.

Múa phồn thực trong lễ biểu hiện ước vọng của người Chăm, cũng như mọi dân tộc khác trên thế giới có nền văn minh tối cổ. Người ta tìm thấy dấu vết phồn thực ở Babilon, Ai Cập. Ở Ấn Độ có lễ HOLY dâng Nữ thần VASANTI, người ta rước biểu tượng dương vật rồi nhún nhảy như động tác giao hợp⁽³⁾. Ở người Việt có tục "rước cán", "cướp cán". Tuy nhiên, múa phồn thực ở người Chăm không giống hoàn toàn như mọi cư dân khác, cụ thể là không giống tục "cướp cán" của người Việt. Trong múa phồn thực của người Việt hoặc người Mường, "nô nương" biểu hiện dương vật, chiếc mo cau biểu hiện âm vật; còn ở người Chăm, múa phồn thực chỉ xuất hiện dương vật do bà Bóng hoặc một người đàn ông có uy tín trong làng đảm nhiệm. Ở đây âm tính không xuất hiện như trong nghi thức, âm tính và dương tính kết hợp chặt chẽ với nhau. Động tác múa phồn thực nhún nhảy đầu dương vật chạm xuống đất là tượng trưng cho sự sinh sôi nảy nở của cây trồng và vật nuôi... Và việc bà Bóng cầm cây dương vật múa kết thúc nghi lễ là sự phối hợp âm dương tính để cầu sinh sôi nảy nở cho con người.

Vậy với trình độ tư duy đơn giản mang một mỹ cảm hồn nhiên, tín ngưỡng phồn thực được người Chăm diễn đạt vừa cụ thể, vừa dễ hiểu và đạt hiệu quả.

Lễ Ri Ja Nư Gar cũng như trong nhiều lễ cúng khác của người Chăm liên quan đến tín ngưỡng cổ truyền như lễ mở cửa tháp,

câu đảo... thì thầy hát lễ và bà Bóng thường đi đôi với nhau trong việc cúng tế, Ôn Ka Thar khác với tầng lớp tu sĩ Chăm Bà La Môn (PASEH), Ôn Char (tu sĩ Chăm Hồi giáo), thầy Võ... là Ôn Ka Thar có thể thay thế làm nhiệm vụ của Muk Pa Jau cụ thể là ở Ri Ja Nư Gar. Như vậy sự thay thế lẫn nhau giữa thầy hát lễ, bà Bóng bao hàm ý nghĩa triết lý của người Chăm từ thời cổ. Thầy hát lễ - cốt lõi là người đàn ông hiện thân cho tính dương được thay thế bà Bóng có nghĩa là khoác áo nữ hiện thân cho tính âm để thành mẹ. Phải đây là chủ ý của người sáng tạo nhằm gửi gắm quan niệm lưỡng nguyên, dấu vết của tư duy cổ xưa. Mẫu (mẹ) là một nhưng là hai, là âm nhưng trong âm có dương, vừa nữ vừa nam. Mẫu (mẹ) khởi nguyên sinh ra tất cả, bởi trong mẹ âm - dương dung hội vào nhau để chuyển hóa và phát triển. Tư duy này bắt nguồn từ huyền thoại Thần mẹ xứ sở mà người Chăm còn lưu truyền.

Như vậy, vài chi tiết về múa phồn thực và chức năng của Ôn Ka Thar, Muk Pa Jau trong nghi lễ Ri Ja Nư Gar có nét tương tự các lễ cúng mở cửa đền tháp, từ đó đưa đến cho chúng ta một vấn đề là: việc người Chăm tôn thờ LINGA YONY có phải là ý nghĩa phồn thực cổ xưa hay nó là mang ý nghĩa bình thường khác như chủ nhân của nó (Ấn Độ). Điều có thể nói ở đây là, Linga - Yony tại đền tháp Chăm theo tư duy phồn thực cổ xưa. Việc tế lễ ở đền tháp do Ôn Ka Thar và Muk Pa Jau đảm nhiệm. Mặc dù lễ mở cửa tháp có mặt tu sĩ Bà La Môn, nhưng quá trình hành lễ thì do thầy hát lễ và bà Bóng đảm nhiệm ở lễ Ri Ja Nư Gar.

Tại đền tháp, thường thấy trong chính diện là bệ thờ Linga - Yony. Bệ thờ Linga Yoni ở người Chăm hoàn toàn khác bệ thờ Linga - Yony ở các nước khác như Ấn Độ, Indônêxia, Campuchia... Hình tượng Linga ở người Chăm đều sắp xếp lại theo trật tự mới, Linga chính

là thần linh nhập vào trụ đá, là biểu tượng tiên vương (thần quyền), yếu tố về sau được thể hiện rõ nét ở tháp Poklonggirai (thế kỷ XII - XIII) và tháp Porome (thế kỷ XVII)... là Linga có mặt thần chủ (Linga Mukha). Mặt khác xung quanh bệ thờ Linga - Yony, có trang trí những núm vú đàn bà như bệ thờ ở Bình Định, Poinunugar (Nha Trang)... Qua những hiện tượng trên, chúng ta nhận thấy Linga và ngay cả thần Chăm cũng được nằm trong hệ thống chịu sự chi phối của Thần mẹ xứ sở.

Đó phải chăng là sự sắp xếp có thậm ý hay sao? Rõ ràng Linga mang tính là nam (dương), sánh cùng với Yony là nữ (âm tính) kết hợp với nhau, tạo nên thế âm - dương nhất thể, cân bằng ngọn nguồn của sinh sôi, tạo hóa. Có gì khác hơn, nếu nó không phải là một quan niệm tư duy phồn thực ở người Chăm từ thuở xa xưa mà tiên thân của nó là tín ngưỡng phồn thực như ở lễ Ri Ja Nư Gar.

Lễ này cũng như lễ khác của người Chăm, xuất phát từ tín ngưỡng cổ truyền, bên cạnh việc thờ thần núi, thần sông, thần lúa... trong lễ hội người Chăm còn có cả hệ thống thần linh là những vị anh hùng dân tộc, anh hùng văn hóa như: Poinư Nugar, Poklong Girai, Porome (thần Thủy lợi), Potan, Pogilau (thần giữ rừng trầm, rừng quế)...

Các vị thần này chính là những vĩ nhân trong lịch sử dân tộc, vì công lao sự nghiệp nên tỏa ánh hào quang trong lịch sử dân tộc, vì công lao sự nghiệp nên tỏa ánh hòa quang trong tâm chí của cả cộng đồng suốt bao thế hệ. Ở diện rộng, họ là thánh chung cho cả nước; ở điểm hẹp họ là thành hoàng của một làng, là tổ sư của nghề dệt, một nghệ thuật..., trong trường hợp này, biểu hiện rõ nét ở Poinunugar. Theo thống kê sơ bộ có tất cả 12 Poinunugar ở các làng Chăm đang thờ. Chẳng hạn như Poinunugar Yatang (Thần mẹ

Nha Trang - Tháp Bà), Poinunugar Hamukuts, hiện nay người Chăm ở Phước Nhơn, ở Bình Nghĩa (Ninh Thuận) đang thờ; Poinunugar Hamuram, hiện nay người Chăm ở Hữu Đức (Ninh Thuận) đang thờ...

Poinunugar rõ ràng là một nhân vật huyền thoại mà người Chăm suy tôn như "Thánh". Tín ngưỡng này, không thiết lập nên giáo lý, tín ngưỡng điều gì, song từ cuộc đời, đức độ và công lao của họ, quần chúng vẫn tưởng tượng nên một hệ thống suy tưởng duy lý tiềm tàng (Umplikite) và nhân dân lưu truyền bằng truyền thuyết xung quanh họ.

Trong lễ Ri Ja Nư Gar cũng như các tục cúng khác của người Chăm, sự xuất hiện các hệ thống thần linh không có thứ bậc nhất định sẽ tùy theo nghi lễ và mô hình văn hóa của làng mà họ sắp xếp thứ bậc các thần. Sự sắp xếp các thần không ổn định đó, họ không tranh cãi cũng không lý luận, vẫn sùng bái các thần với tất cả niềm tin ngưỡng. Và dĩ nhiên, không ai gọi tín ngưỡng ấy là tôn giáo. Bởi vì, nếu là tôn giáo thì thứ bậc của thần phải sắp xếp theo một trật tự nhất định.

Lễ Ri Ja Nư Gar ngoài tín ngưỡng cổ truyền của dân tộc Chăm có liên quan đến nông nghiệp nó còn lấp lánh hình dáng của Hồi giáo và Bà La Môn giáo. Để phô trương thanh thế của mình, 2 tôn giáo trên đi vào lễ Ri Ja Nư Gar đã không giành nổi một vị trí tương xứng mà lại bị tín ngưỡng dân gian chi phối. Sự xuất hiện bóng dáng 2 tôn giáo trên, người Chăm có dụng ý linh thiêng hóa những gì nơi trần tục. Trong nghi lễ này các vị thần của 2 tôn giáo nói trên không được tôn vinh là đáng tối cao. Thậm chí giáo chủ đạo Hồi (Ala) còn không được nhắc đến và Siva lại được coi là vị thần bảo vệ đền tháp.

Nhưng chớ vội cảm nhận rằng dân gian Chăm thờ ơ với tôn giáo, nhất là tôn giáo ngoại lai. Mặc dù ở lễ hội này, 2 tôn giáo nói trên không gạt hái được bao nhiêu. Tuy

nhiên, tôn giáo vẫn cố gắng lách mình thông qua huyền thoại để tạo nên thần tích. Trường hợp này sẽ rõ ràng ở lễ Ri Ja Nư Gar trong ngày đầu được cúng Pô Âu Loah. Dân gian Chăm đã khoác áo cho Posahinư - 1 nhân vật lịch sử trở thành nhân vật huyền thoại, được Poinunugar làm trung gian cho thánh Ala sai Posahinư từ trên trời xuống mang theo 3 vị thần: Ala - Mohamach - Piibrahim và ở trên là vòm trời, ở dưới là bực giảng Mohamach. Đôsahinư đã sáng tạo ra đất, nước, con người, trâu, bò... rồi ban ghép làm mưa trút xuống đất cho cây cối, hạt lúa đâm chồi nảy lộc... (theo lời hát lễ Ôn Duôn). Hồi giáo thông qua lễ Ri Ja Nư Gar không những bằng huyền thoại về Poinunugar để sáng lập nên giáo lý, vũ trụ quan nhằm chinh phục tín đồ, mà còn minh họa thần thoại đó bằng hình người, hình thú... Đây là một sự sáng tạo phi lịch sử. Posahinư theo biên niên sử Chăm chưa xác định được rõ ràng, nhưng qua truyền thuyết, Posahinư là võ tướng của Pôrômê (1627 - 1651), thế mà trong nghi lễ Ri Ja Nư Gar, Posahinư lại là thần xuất hiện từ thuở mới khai thiên lập địa. Thần này đã sáng tạo ra cây cối, đất, nước... Trong khi đó từ lâu đời, Poinunugar là thủy tổ của người Chăm đã sáng tạo ra đất, nước, cây cối, Poinunugar đã dạy dân trồng lúa, trồng bông, dạy dân biết dệt, biết thêu... Rõ ràng đây là một sự bất hợp lý đó, vẫn có cái hạt nhân hợp lý cho sự tồn tại của nó. Đó là niềm tin trong đời sống tâm linh của người Chăm. Có điều, lòng tin ấy, nếu muốn xem là liên quan đến tôn giáo thì những người thực cảm không hề nghĩ đó là tôn giáo nào, từ đâu tới. Rõ ràng đến 99% những người dự lễ không biết đến Ala và Siva mà họ đang khấn vái, đang tham gia trình diễn đều là ở quê hương nào, chủng tộc nào. Tất cả mọi người đều hướng về những vị anh hùng dân tộc, những vị khai sáng ra văn hóa mà dân tộc họ hằng suy tôn.

Rõ ràng trong nghi lễ Ri Ja Nư Gar, sự

xâm nhập của Hồi giáo và Bà La Môn đã bị dân gian Chăm địa phương hóa, trở thành bạn đồng hành cùng tồn tại và vận động theo thời gian xâm nhập vào cuộc sống, và nó đã trở thành 2 yếu tố không thể thiếu được như người Chăm quan niệm: có Awar (Chăm Bà Ni) đại diện cho nữ là âm và Aher (Chăm Bà La Môn) đại diện cho nam là dương. Hai yếu tố trên gắn chặt, bổ sung lẫn nhau như trong cuộc sống không thể thiếu vợ, thiếu chồng. Đó là kết quả lịch sử trong quá trình diễn tiếp, xâm nhập của Bà La Môn giáo và Hồi giáo vào đất Chăm Pa.

Lễ Ri Ja Nư Gar ngoài việc dâng lễ vật, nó còn gắn chặt với sinh hoạt nghệ thuật như múa nhạc độc đáo của dân gian Chăm. Chủ đề chính là ca ngợi các vị anh hùng dân tộc mà họ đã khái quát hóa và nghệ thuật thành tín ngưỡng cơ bản, thường có mặt trong các lễ hội Chăm. Đây là xu hướng nhằm tái tạo lịch sử dân tộc, đồng thời là 1 phương tiện nghệ thuật để lôi cuốn người xem về tín ngưỡng.

Qua lễ Ri Ja Nư Gar chúng ta thấy rằng với dân tộc Chăm, trước và cả trong khi tiếp nhận các tôn giáo lớn từ bên ngoài, đã có tín ngưỡng bản địa của mình như tục thờ mặt trời, thờ các hiện tượng tự nhiên như mây - mưa sấm - chớp, thờ các các vùng không gian như trời - đất - núi - sông - nước và nhất là thờ tổ tiên, thờ các vị anh hùng dân tộc có công với nước. Trong tín ngưỡng dân gian, người Chăm mang theo tâm thức phồn thực với ý niệm âm dương giao hòa, tạo sự phát triển sung mãn cho con người và vạn vật, mang theo một thế lưỡng phân, lưỡng hợp về tự tách ra để trưởng thành và gắn lại để trưởng tồn. Những niềm tin thành kính ấy, qua trường kỳ lịch sử đã khái quát hóa và nghệ thuật hóa thành một số tín ngưỡng cơ bản, một số nghi lễ, tục lệ vui trong hội lễ của làng.

Người Chăm hiện nay với nhiều nguyên nhân khác nhau mà họ quên mất nguồn gốc, không hiểu ý nghĩa của lễ. Song họ vẫn thực hiện nghi lễ từ tấm lòng thành kính trong tâm thức theo một định luật im lặng - "Xưa sao nay vậy". Còn những người đến đây cầu cúng, cũng không hiểu - có lẽ không cần là bởi, họ được tâm linh đưa đường chỉ lối đi đến với lễ chỉ nhằm một ý tưởng duy nhất là cầu bình an, cầu hạnh phúc cho mọi người, mọi nhà.

Từ cội nguồn của lễ Ri Ja Nư Gar mang tính chất là sinh hoạt của một tín ngưỡng nông nghiệp gắn liền với những sự kiện văn hóa - lịch sử của một dân tộc. Vì vậy nó không chỉ là lễ mở đầu năm cho các lễ hội và các tục cúng khác hàng năm mà nó còn là nguồn chảy lịch sử dân tộc với bao nhiêu sự tích hào hùng. Tín ngưỡng dân gian Chăm đã dần dần tự làm phong phú cho mình bằng những nội dung lịch sử, bên cạnh nội dung văn hóa.

Bằng cách ấy diện mạo lễ nghi Chăm càng mang tính truyền thống đậm nét. Lễ Ri Ja Nư Gar còn là thành viên trong làng, trong cộng đồng ý thức nhớ về cội nguồn dân tộc. Sinh hoạt nghi lễ Ri Ja Nư Gar còn hiện lên những thuần phong mỹ tục, những truyền thống văn hóa. Không khí của lễ hội đã làm dấy lên tinh thần "nhân bản, nhân văn" hướng con người đến CHÂN - THIÊN - MỸ trong cuộc sống thực tại.

Chú thích:

- (1) Nguyễn Minh Hoàng: *Lễ hội đâm trâu Tây Nguyên*. TC: Nghiên cứu Nghệ thuật. Số 2 - 1993, tr.27
- (2) Durant W.: *Lịch sử văn minh Ấn Độ* (Nguyễn Viên Lê dịch). La Bồi - Sài Gòn - 1971, tr.249.
- (3) Durant W.: SD, tr.257.